| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ LONG MỸ**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc** |

Bản án số: 118/2018/DS-ST
Ngày: 29 – 8 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ**
**TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* Ông Lư Trường Tây

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Bạch Minh

Bà Lê Thị Diễm Thi

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1959.

Trú tại: ấp B, xã L, thị xã A, tỉnh Hậu Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc N, sinh năm: 1968 và ông Nguyễn Hữu M, sinh năm: 1966.

Cùng Trú tại: ấp B, xã L, thị xã A, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim H tham gia chơi hụi của vợ chồng ông Nguyễn Hữu M và bà Phạm Ngọc N 03 dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Vào ngày 29/3/2013 (âm lịch) bà Phạm Ngọc N mở dây hụi mùa 2.000.000 đồng/lần đóng, có 16 hụi viên, 04 tháng khui một lần, bà Nguyễn Thị Kim H tham gia chơi 01 chân hụi được ghi trong danh sách hụi tên là "Kim Hai" và đóng hụi sống cho bà Phạm Ngọc N được 10 lần với số tiền là 20.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Vào ngày 09/8/2015 (âm lịch) bà Phạm Ngọc N mở dây hụi mùa 2.000.000 đồng/lần đóng, có 16 hụi viên, 04 tháng khui một lần, bà Nguyễn Thị Kim H tham gia chơi 01 chân hụi và đóng hụi sống cho bà Phạm Ngọc N được 04 lần với số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Vào ngày 23/7/2015 (âm lịch) bà Phạm Ngọc N mở dây hụi tháng 500.000 đồng/lần đóng, có 22 hụi viên, 01 tháng khui một lần, bà Nguyễn Thị Kim H tham gia chơi 01 chân hụi được ghi trong danh sách hụi tên là "Kim Hai" và đóng hụi sống cho bà Phạm Ngọc N được 10 lần với số tiền là 20.000.000 đồng.

Đến ngày 09/7/2016 bà Phạm Ngọc N tuyên bố vỡ hụi thì bà Nguyễn Thị Kim H có yêu cầu vợ chồng bà Phạm Ngọc N và ông Nguyễn Hữu M trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền hụi đã đóng nhưng không được.

Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Phạm Ngọc N cùng chồng là ông Nguyễn Hữu M trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 33.500.000 đồng nhưng tại phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Kim H chỉ yêu cầu vợ chồng bà Phạm Ngọc N, ông Nguyễn Hữu M trả cho số tiền 24.000.000 đồng là số tiền gốc mà bà Nguyễn Thị Kim H đã đóng cho 03 dây hụi.

Bị đơn Phạm Ngọc N có lời khai và tại biên bản hòa giải trình bày: Bà Phạm Ngọc N thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim H là đúng và đồng ý trả số tiền 24.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim H nhưng do gia đình chưa bán đất được nên chưa trả cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Đối với bị đơn Nguyễn Hữu M: Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hữu M để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai của ông Nguyễn Hữu M cũng như ông Nguyễn Hữu M không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Ngọc N, Nguyễn Hữu M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa bị đơn bà Phạm Ngọc N và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình hòa giải bà Nguyễn Thị Kim H và bà Phạm Ngọc N thống nhất có tham gia chơi hụi với nhau và thống nhất số tiền mà bà Phạm Ngọc N còn nợ bà Nguyễn Thị Kim H là 24.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chơi hụi giữa bà Phạm Ngọc N và bà Nguyễn Thị Kim H là có thật, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết đó không phải chứng minh.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Ngọc N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Trong vụ án này bà Phạm Ngọc N là chủ hụi đã thu tiền của hụi viên tham gia chơi hụi, sau đó tuyên bố vỡ hụi thì bà Phạm Ngọc N phải có nghĩa vụ trả lại phần tiền mà các hụi viên đã đóng. Do đó, bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Ngọc N có trách nhiệm trả lại số tiền đã đóng hụi là 24.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Hữu M không trực tiếp thực hiện giao hụi với bà Nguyễn Thị Kim H nhưng ông Nguyễn Hữu M và Phạm Ngọc N là vợ chồng và trong danh sách hụi cũng thể hiện ông Nguyễn Hữu M là chủ hụi. Xét thấy, việc bà Phạm Ngọc N thực hiện giao dịch hụi cùng với bà Nguyễn Thị Kim H vì lợi ích của gia đình vợ chồng ông Nguyễn Hữu M. Do

đó, Căn cứ vào Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên ông Nguyễn Hữu M có trách nhiệm liên đới cùng với bà Phạm Ngọc N trả số tiền 24.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim H.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Phạm Ngọc N, Nguyễn Hữu M phải chịu là 5% án phí giá ngạch trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 92; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đối với bị đơn Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M.

Buộc bị đơn Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 24.000.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn  Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M phải chịu 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 830.000 đồng (*Tám trăm ba mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0015588 phiếu lập ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký)**

**Lư Trường Tây**